

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 9 - 2020

“V/v Không công nhận quan hệ
vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Kim Dũng;

2. Ông Nông Hữu Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Sim - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk không tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 597/2020/TLST-HNGĐ ngày 23/7/2020, về việc “Không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 03/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1970 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1967 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng cư trú: Số nhà 36A đường B, tổ dân phố 1A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Thanh H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống ông bà có một số mâu thuẫn không thể hàn gắn được mặc dù đã được chính quyền địa phương hoà giải nhiều lần nhưng không được. Tới nay, bà cảm thấy tình cảm với ông H không còn nữa nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 01 con chung là Trần Thanh S sinh ngày 23/7/1989. Hiện con chung đã trưởng thành, có đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Kim C chung sống với nhau từ năm 1988 không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống giữa ông bà có xảy ra mâu thuẫn và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Nay bà C yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng của ông và bà C cũng đồng ý.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Trần Thanh S sinh ngày 23/7/1989, hiện con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Ông bà tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra lại tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Trần Thanh H, nơi cư trú: Số nhà 36A đường B, tổ dân phố 1A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt, làm việc với các đương sự; các đương sự có đơn đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Trần Thanh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông H không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do vậy, xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim C đề nghị Toà án giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà và ông H là vợ chồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 nên cần chấp nhận.

Về con chung: Hiện con chung đã trưởng thành nên không đề cập xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng: Điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội

- Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị bà Nguyễn Thị Kim C .

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Kim C và ông Trần Thanh H là vợ chồng.

2. Về con chung: Hiện con chung đã trưởng thành nên không đề cập xem xét giải quyết.

3. Về tài sản tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thoả thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C phải chi án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0008450 ngày 22/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án này được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Lê Thị Mai